

Số: 50a/BC-MNDN

Ngọc Bích, ngày 20 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON - NĂM 2024 -2025
(Theo Thông tư 09/TT-BGD&ĐT, ngày 03 tháng 6 năm 2024 của bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG²

- 1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường Mầm non Diễn Ngọc.
- 2. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm Ngọc Văn xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, địa chỉ thư điện tử mndiengoc.dc@nghean.edu.vn , cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử). Feacboock Trường MN Diễn Ngọc.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục;

Trường hạng I, trường công lập tự chủ một phần kinh phí. UBND huyện Diễn Châu quản lý và trực thuộc Phòng GD&ĐT Diễn Châu.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

* **Sứ mạng:** Với phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng rèn luyện kỹ năng, khám phá, trải nghiệm. Xây dựng môi trường giáo dục An toàn - Thân thiện - Hạnh phúc, truyền cảm hứng, năng động sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao, với phương châm "Cháu mạnh khỏe vui vẻ - Cô hạnh phúc – phụ huynh yên lòng".

* **Tầm nhìn:** Đến năm 2030 nhà trường đạt trường chuẩn quốc gia mức độ II, kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3. Xây dựng lớp tiên tiến.

* **Mục tiêu:** Nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ đạt kết quả mong đợi theo VBHN số 01, trẻ có tính độc lập-sự tự tin-tính kỷ luật-sự tôn trọng-tinh thần hợp tác chia sẻ-tình yêu thương nhân ái.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Mầm non Diễn Ngọc được thành lập năm 1996. Năm 2010 được thành lập trường mầm non bán công theo quyết định 145/QĐ-UBND ngày 25/01/2010. Năm 2011, được chuyển đổi từ trường mầm non bán công sang trường mầm non công lập tự chủ một phần kinh phí theo Quyết định số: 1027/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND huyện Diễn Châu. Trường mầm non Diễn Ngọc có 1 điểm đặt ở vị trí trung tâm, tại Xóm Ngọc Văn, xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, thuận lợi cho việc phụ huynh đưa trẻ đến trường. Trường có tổng diện tích 4.019 m², Có 1 dãy nhà kiên cố 12 phòng học 1 dãy nhà bán kiên cố, có 3 phòng học, tổng số 15 phòng học có 1 phòng chức năng, bổ trợ 1 phòng âm nhạc, có 8

phòng hành chính, hỗ trợ (1 HT, 1 PHT, 1 VP, 1 y tế, 1 hành chính, 1 nhà bảo vệ, 1 khu để xe, 1 khu vệ sinh ghép), có 1 bếp nấu, có cổng, hàng rào kiên cố đảm bảo quy chuẩn. Trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm học 2017-2018; và trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm học 2017-2018. và dự kiến công nhận lại sau 5 năm đó là năm học 2024-2025;; Trường có bề dày về thành tích đạt tập thể LĐTTXS cấp tỉnh năm học 2019-2020; đạt tập thể lao động LĐTT cấp huyện, Chi bộ đạt vững mạnh, , công đoàn HTTNV. HTXSNV

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ.

Người đại diện pháp luật: Phạm Thị Lan – Hiệu trưởng trường MN Diễn Ngọc; 0978538479; colanmn@gmail.com.

Người đại diện liên hệ: Phan Thị Hương – Phó Hiệu trưởng trường MN Diễn Ngọc; 0986528266; phanhuong060885@gmail.com.

Người đại diện liên hệ: Lương Thị Ngọc – Phó Hiệu trưởng trường MN Diễn Ngọc; 0962908618; luongthingoc90@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường, có chi bộ, tổ chức công đoàn, tổ chuyên môn, các hội đồng khác, có ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Quyết định công nhận hội đồng trường; chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày 11/11/ 2023 của UBND huyện Diên Châu, Về việc công nhận kiện toàn Hội đồng trường các trường THCS, tiểu học, mầm non năm học 2023-2024 - nhiệm kỳ 2020-2025;

Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND huyện Diên Châu, Về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường các trường THCS, tiểu học, mầm non năm học 2023-2024 - nhiệm kỳ 2020-2025;

Danh sách thành viên hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 (năm học 2024-2025);

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh, chức vụ trong đơn vị	Chức danh hội đồng
1.	Phạm Thị Lan	27/10/1971	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Phan Thị Hương	06/05/1985	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
3.	Lương Thị Ngọc	17/09/1990	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4.	Cao Thị Mai	23/09/1983	Tổ trưởng MG	Thành viên
5.	Ngô Thị Nguyệt	28/11/1984	Tổ trưởng nhà trẻ	Thành viên
6.	Ngô Thị Phương Liên	24/04/1985	Chủ tịch công đoàn	Thư ký
7.	Cao Thị Châu	06/09/1987	Bộ phận văn phòng	Thành viên
8.	Nguyễn Văn Dũng	20/08/1965	PCT UBND xã	Thành viên
9.	Nguyễn Lê Hải	16/06/1976	Trưởng ban ĐDCMMHS	Thành viên

Danh sách này gồm có 09 người./.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND huyện Diên Châu về việc luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học (bà Phạm Thị Lan Hiệu trưởng);

Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của UBND huyện Diên Châu về việc luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học (bà Phan Thị Hương PHT);

Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của UBND huyện Diên Châu về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học (bà Lương Thị Ngọc PHT);

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

đ) Quyết định thành lập trường

Quyết định số: 145/QĐ-UBND ngày 25/01/2010 của UBND huyện Diên Châu về việc thành lập trường Mầm non.

Quyết định số: 1027/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND huyện Diên Châu về việc chuyển đổi loại hình trường mầm non.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục.

Bà: Phạm Thị Lan – Hiệu trưởng trường MN Diên Ngọc; 0978538479; colanmn@gmail.com. (có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể)

Bà: Phan Thị Hương – Phó Hiệu trưởng trường MN Diên Ngọc; 0986528266; phanhuong060885@gmail.com. (có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể)

Bà: Lương Thị Ngọc – Phó Hiệu trưởng trường MN Diên Ngọc; 0962908618; luongthingoc90@gmail.com (có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể)

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (có bảng mã hóa minh chứng kèm theo).

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 43 người trong đó biên chế: 29 người ; hợp đồng 12 người

- Cán bộ quản lý: 03 Hiệu trưởng; 1; PHT: 02

- Giáo viên: 27;

- Nhân viên: 13; Biên chế: 01 (Kế toán); hợp đồng trường 12: Nấu ăn: 10; Văn phòng kiêm y tế: 01; Bảo vệ: 01

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

Năm học 2024- 2025	Tổng số	Trình độ Đại học	Trình độ Cao đẳng	Trình độ Trung cấp	GVMN hạng II	GVMN hạng III
CBQL	03	03	-	-	03	-
GV	27	18	9	0	10	17
NV	13	01	Chứng chỉ nấu ăn			

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Tổng diện tích đất sử dụng hiện tại: 4.019 m²; Diện tích bình quân/học sinh: 7.8 m²/trẻ, so với yêu cầu tối thiểu quy định 12 m²/trẻ (Chưa đủ)

2. Toàn trường có 15 phòng, 01 phòng âm nhạc, 01 bếp, 01 văn phòng, 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng hành chính quản trị, 01 phòng y tế, 01 phòng nhân viên, 01 phòng bảo vệ,

TT	Tên phòng	Số lượng	Ghi chú
I	Phòng học	15	
II	Phòng chức năng	02	
	Phòng đa năng	0	Đang xây dựng
	Phòng âm nhạc	0	Đang xây dựng
	Bếp 1 chiều	01	Bếp tạm
III	Khối phòng phụ trợ		
	Phòng Hiệu trưởng	0	Đang xây dựng
	Phòng Phó hiệu trưởng	01	
	Phòng họp	0	Đang xây dựng
	Hành chính quản trị	0	Đang xây dựng
	Phòng nhân viên	0	Đang xây dựng
	Phòng Y tế	0	Đang xây dựng
	Phòng bảo vệ	01	
IV	Phòng khác		
	Nhà xe	01	
	Nhà vệ sinh CBGVNV	01	
	Cổng trường	01	
	Bờ bao		
V	Sân chơi – thiết bị đồ chơi		
	Sân chung toàn trường		

	Sân bóng đá trẻ		
	Vườn trường		
	Đồ chơi ngoài trời	05	
VI	Thiết bị và công nghệ		
	Đàn	15	
	Loa máy	01	
	Máy tính	12	
	Đồ dùng thiết bị các nhóm lớp	07	
	Ti vi	15	
	Tủ lạnh	02	
	Đường truyền Internet	01	
	Thiết bị nhà bếp		
	Đồ dùng thiết bị các nhóm, lớp đủ theo quy định.	15	

Đồ chơi thiết bị dạy học theo VBHN số 01 đủ 12/15 nhóm lớp: Ti vi, bàn, ghế học sinh, phản ngử, đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy họcđảm bảo thực hiện tốt theo Chương trình GDMN.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

TT	Mốc thời gian, năm học	Số quyết định, văn bản công nhận	
		Kiểm định chất lượng GD	Đạt trường chuẩn quốc gia
2	2017-2018	QĐ số 607/QĐ-SGDĐT ngày 05/6/2018 của Sở GD&ĐT Nghệ An. Cấp độ 3.	QĐ số 2721/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của UBND Tỉnh Nghệ An. Mức độ 1.
4	2025-2026	Cấp độ 2 (dự kiến)	Mức độ I (dự kiến)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

Trẻ ăn bán trú 100%; 100% trẻ đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần, sử dụng phần mềm Viettec

Trẻ SDD thể nhẹ cân 1,4%; thừa cân béo phì 0,8%; thể thấp còi 2,6%

Trẻ thực hiện 35 tuần, 9 chủ đề, 4-5 lĩnh vực

TT	Mục tiêu lĩnh vực phát triển	Nhà trẻ	Mẫu giáo
1	Lĩnh vực phát triển thể chất	90%	95,8%
2	Lĩnh vực phát triển nhận thức	86,7%	96,8%
3	Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	90%	95%
4	Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		95,8%
5	Lĩnh vực phát triển tình cảm XH	90%	96,6%
	Kết quả chung	89%	96%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

TT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
----	----------	----------	----------

		Thu	Chi	Tồn	Thu	Chi	Tồn
I	Thu ngân sách	6.713.938.000	6.713.938.000				
1	Lương và các khoản theo lương	6.341.219.850	6.341.219.850				
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	72.718.150	72.718.150				
3	Chi hỗ trợ người học (CĐCS)						
4	Chi khác (CM, thường xuyên)	300.000.000	300.000.000				
II	Thu học phí						
1	Chi 40% hỗ trợ lương	181.100.000	181.100.000		181.100.000		
2	Chi 60% tăng cường CSVC	276.150.000	276.150.000		276.150.000		
III	Thu khác						
1	Thu chi phí bán trú	1.865.952	1.865.952	0			
	Tiền ăn của trẻ	1.340.792	1.340.792	0			
	Thuê nấu ăn, chi phí tổ chức	407.160	407.160	0			
	Mua sắm vật dụng, đồ dùng(cả năm)	118.000	118.000				
2	Tăng cường tiếng anh	72.485	72.485	0			
	Chi cho trung tâm liên kết 75%	60.351	60.351	0			
	Chi khác tại trường 25%	12.134	42.210	0			
3	Tăng cường năng khiếu múa	57.056	57.056				
	Chi cho trung tâm liên kết 75%	42.792	42.792				
	Chi khác tại trường 25%	14.264	14.264				
4	Nguồn tài trợ XHH GD	160.127	160.127				
	Chi tăng cường CSVC	142.177	141.801	376			

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

TT	Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
1	Học phí quy định/tháng	100.000	100.000	
2	Thỏa thuận: tiền ăn/ngày	19.000	20.000	
5	Chi phí tổ chức bán trú			
	Tự nguyện tài trợ			
7	Hội phí	Tự nguyện theo TT 55/2011 và văn bản hướng dẫn		

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

TT	Năm học	Tổng số tiền				Tổng tiền
		Miễn, giảm học phí	Hỗ trợ tiền ăn	Chi phí học tập	Chế độ trẻ khuyết tật	

1	Cả năm 2023-2024	14.600.000	32.000.000	13.350.000		
	Học kỳ 1	7.600.000	16.800.000	6.600.000		
	Học kỳ 2	7.000.000	15.200.000	6.750.000		
2	Cả năm 2024-2025	271.950	24.000	9.300	16.848	
	Học kỳ 1	121.200	11.200	4.800	7.488	
	Học kỳ 2	150.750	12.800	4.500	9.360	
3	Cả năm 2025-2026					
	Học kỳ 1	194.400	8.960	4.200	7.488	
	Học kỳ 2					

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c)
- Tổ CM, bộ phận.(t/h)
- Lưu HS

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Lan